



## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **CÔNG TY CỔ PHẦN THOÁT NƯỚC VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI BẮC NINH**

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020  
(đã được kiểm toán)



**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 24
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 24

510P  
C  
TRAC  
HAN  
HOAI

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

### **CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh tiền thân là Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh thành lập theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 25/09/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300898204 ngày 21 tháng 10 năm 2015, và Giấy Chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 23000898204 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/02/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 85 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Mạnh Hùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phương Quý	Thành viên
Ông Lê Xuân Kháng	Thành viên
Ông Nguyễn Xuân Quyết	Thành viên
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Xuân Quyết	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Tiến	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hiệp	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Phạm Thị Thu Hương	Trưởng ban
Ông Trần Mạnh Thường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hồng Lê	Thành viên

### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

### **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



**Nguyễn Xuân Quyết**

Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

Y  
TU HA  
TOÀ  
IP. H



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh được lập ngày 05 tháng 03 năm 2021, từ trang 6 đến trang 24, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán VACO. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 18 tháng 03 năm 2020.

**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**



**Đỗ Mạnh Cường**  
Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 0744-2018-002-1  
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2021

**Nguyễn Anh Ngọc**  
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề  
kiểm toán số: 1437-2018-002-1

0100  
C  
TRÁCH  
HẠN  
KIỂM  
TOÁN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>64.859.444.680</b>	<b>61.712.576.345</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>11.625.277.195</b>	<b>13.997.281.697</b>
111	1. Tiền		8.095.277.195	6.497.281.697
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.530.000.000	7.500.000.000
<b>120</b>	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>47.258.333.261</b>	<b>36.000.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	47.258.333.261	36.000.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>5.477.095.830</b>	<b>9.510.110.796</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	4.235.896.865	5.138.051.415
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	585.626.000	3.869.874.000
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	655.572.965	502.185.381
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>392.892.056</b>	<b>2.128.724.540</b>
141	1. Hàng tồn kho		392.892.056	2.128.724.540
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>105.846.338</b>	<b>76.459.312</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	105.846.338	76.459.312
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>11.946.835.662</b>	<b>9.522.680.184</b>
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>11.412.246.712</b>	<b>8.977.940.718</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	10.701.739.245	8.219.533.871
222	- Nguyên giá		17.846.054.895	13.716.732.168
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.144.315.650)	(5.497.198.297)
227	2. Tài sản cố định vô hình	10	710.507.467	758.406.847
228	- Nguyên giá		957.987.597	957.987.597
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(247.480.130)	(199.580.750)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>534.588.950</b>	<b>544.739.466</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	534.588.950	544.739.466
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>76.806.280.342</b>	<b>71.235.256.529</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020*  
*(tiếp theo)*

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>13.452.335.046</b>	<b>12.477.615.420</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>13.409.335.046</b>	<b>12.434.615.420</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	722.134.603	2.070.708.249
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	2.926.192.578	49.512.178
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	3.216.170.315	4.422.987.590
314	4. Phải trả người lao động		4.694.471.877	4.197.290.812
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		45.454.545	133.794.945
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	15	805.821.927	1.061.502.445
322	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		999.089.201	498.819.201
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>43.000.000</b>	<b>43.000.000</b>
343	1. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ		43.000.000	43.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>63.353.945.296</b>	<b>58.757.641.109</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	16	<b>63.353.945.296</b>	<b>58.757.641.109</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		44.175.920.000	44.175.920.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		44.175.920.000	44.175.920.000
415	2. Cổ phiếu quỹ		(437.000.000)	(437.000.000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		8.000.765.000	4.089.040.000
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		11.614.260.296	10.929.681.109
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		1.315.634.909	530.221.019
421b	LNST chưa phân phối năm nay		10.298.625.387	10.399.460.090
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>76.806.280.342</b>	<b>71.235.256.529</b>



Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quyết  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2021



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2020

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18	61.083.721.852	52.205.031.849
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		61.083.721.852	52.205.031.849
11	4. Giá vốn hàng bán	19	47.260.132.199	38.002.586.103
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.823.589.653	14.202.445.746
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	3.047.243.165	3.143.405.733
22	7. Chi phí tài chính		-	15.654.034
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	15.654.034
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	4.896.596.302	4.332.235.969
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.974.236.516	12.997.961.476
31	11. Thu nhập khác		909.283	1.363.636
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		909.283	1.363.636
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		11.975.145.799	12.999.325.112
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	22	1.676.520.412	2.599.865.022
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>10.298.625.387</u>	<u>10.399.460.090</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	23	2.355	2.378



Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quyết

Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2020  
(Theo phương pháp trực tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	71.283.854.733	56.656.379.951
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	(30.004.955.625)	(31.606.439.517)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động	(18.997.621.929)	(13.159.907.285)
04	4. Tiền lãi vay đã trả	-	(15.654.034)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(2.149.865.022)	(2.528.704.694)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	1.220.462.856	626.735.316
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	(6.591.077.992)	(4.789.348.902)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>14.760.797.021</b>	<b>5.183.060.835</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	(4.129.322.727)	(41.400.000)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(48.000.000.000)	(45.500.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	37.000.000.000	55.500.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	2.788.909.904	3.143.405.733
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>(12.340.412.823)</b>	<b>13.102.005.733</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
33	1. Tiền thu từ đi vay	-	1.042.990.951
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	-	(1.042.990.951)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	(4.792.388.700)	(4.654.185.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>(4.792.388.700)</b>	<b>(4.654.185.000)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>(2.372.004.502)</b>	<b>13.630.881.568</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>13.997.281.697</b>	<b>366.400.129</b>
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>11.625.277.195</b>	<b>13.997.281.697</b>



Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quyết  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2021



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

### 1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh tiền thân là Công ty TNHH MTV Thoát nước và Xử lý nước thải Bắc Ninh thành lập theo Quyết định số 372/QĐ-UBND ngày 25/09/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh; Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2300898204 ngày 21 tháng 10 năm 2015, và Giấy Chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 23000898204 đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 23/02/2017.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 85 đường Âu Cơ, phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh, Bắc Ninh.

Vốn điều lệ của Công ty là 44.175.920.000 đồng, tương đương 4.417.592 cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 137 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 142 người).

#### Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là: Quản lý, vận hành hệ thống thoát nước đô thị, công nghiệp, nông thôn; Hệ thống xử lý rác thải, tái chế chất thải. Quản lý vận hành nhà máy xử lý nước thải; Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác.

### 2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

#### 2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

#### 2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

##### Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

##### Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### 2.3 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



#### 2.4 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

#### 2.5 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

#### 2.6 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm

Tài sản cố định vô hình là chi phí sản nên được trình bày theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí sản nên được phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho thời gian 20 năm

#### 2.7 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

#### 2.8 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

## **2.9 . Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

## **2.10 . Vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được Công ty mua lại, cổ phiếu này không bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế mua lại và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu. Giá vốn của cổ phiếu quỹ khi tái phát hành hoặc khi sử dụng để trả cổ tức, thưởng... được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty

## **2.11 . Doanh thu**

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### *Doanh thu hợp đồng xây dựng*

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.



#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

#### **2.12 . Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

#### **2.13 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**

##### a. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

##### b. Chính sách Ưu đãi thuế

Công ty áp dụng ưu đãi thuế TNDN theo Nghị quyết số 116/2020/QH14 ngày 19/06/2020 giảm 30% số thuế TNDN phải nộp trong năm 2020 đối với trường hợp doanh nghiệp có tổng doanh thu năm 2020 không quá 200 tỷ đồng.

##### c. Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

#### **2.14 . Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

#### **2.15 . Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.



**3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	28.166.206	24.594.032
Tiền gửi ngân hàng	8.067.110.989	6.472.687.665
Các khoản tương đương tiền(*)	3.530.000.000	7.500.000.000
	<b><u>11.625.277.195</u></b>	<b><u>13.997.281.697</u></b>

(\*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng đến 3 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3%/năm đến 3,5%/năm.

**4 . ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn	47.258.333.261	36.000.000.000
	<b><u>47.258.333.261</u></b>	<b><u>36.000.000.000</u></b>

Tại ngày 31/12/2020, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 3,9%/năm đến 6,3%/năm.

**5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh	481.383.000	1.400.700.255
- Ban Quản lý các dự án công trình chỉnh trang đô thị thành phố Bắc Ninh	465.879.000	1.784.700.000
- Ban Quản lý dự án xây dựng thành phố Bắc Ninh	1.136.973.000	-
- Đối tượng khác	2.151.661.865	1.952.651.160
	<b><u>4.235.896.865</u></b>	<b><u>5.138.051.415</u></b>

**6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Create capital Việt Nam	-	1.862.000.000
- Công ty TNHH MTV Đá granite Thăng Lợi	-	1.785.000.000
- Công ty Cổ phần Chiếu sáng đô thị Hoàng Gia	-	222.874.000
- Công ty TNHH Kỹ nghệ Bình Nguyên	273.394.000	-
- Công ty Cổ phần Johec International	287.232.000	-
- Đối tượng khác	25.000.000	-
	<b><u>585.626.000</u></b>	<b><u>3.869.874.000</u></b>



**7 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Tạm ứng	-	62.136.000
- Ký cược, ký quỹ	184.150.057	183.061.000
- Phải thu khác	471.422.908	256.988.381
+ Cao Phan Trường	-	135.000.000
+ Phan Khắc Hoàn	104.953.778	-
+ Đào Phương Anh	86.903.556	-
+ Đối tượng khác	279.565.574	121.988.381
	<b>655.572.965</b>	<b>502.185.381</b>

**8 . HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Nguyên liệu, vật	344.987.056	583.192.894
- Công cụ, dụng cụ	47.905.000	52.952.500
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	1.492.579.146
	<b>392.892.056</b>	<b>2.128.724.540</b>

**9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Xem chi tiết Phụ lục 01.

**10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

Tài sản cố định vô hình tại ngày 31/12/2020 là chi phí san nền tại trụ sở chính Công ty với nguyên giá và hao mòn lũy kế là 957.987.597 VND và 199.580.750 VND, khấu hao trong năm 2020 là 47.899.380 VND.

**11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
<b>a. Ngắn hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ xuất dùng	42.734.647	57.664.680
- Các khoản khác	63.111.691	18.794.632
	<b>105.846.338</b>	<b>76.459.312</b>
<b>b. Dài hạn</b>		
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	465.325.003	526.773.186
- Chi phí sửa chữa, chi phí khác	69.263.947	17.966.280
	<b>534.588.950</b>	<b>544.739.466</b>

**12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có	Giá trị	Số có
	VND	khả năng trả nợ VND	VND	khả năng trả nợ VND
- Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Hải Việt	209.605.000	209.605.000	593.351.000	593.351.000
- Công ty TNHH Năng lượng Môi trường và Tự động hóa	-	-	301.160.592	301.160.592
- Công ty TNHH Hóa chất Thanh Bình	-	-	212.190.000	212.190.000
- Công ty TNHH HARICO	129.890.000	129.890.000	137.463.000	137.463.000
- Công ty TNHH Khánh Hưng Bắc Ninh	81.078.800	81.078.800	81.078.800	81.078.800
- Trung tâm phát triển công nghệ CECO	116.004.781	116.004.781	-	-
- Các đối tượng khác	185.556.022	185.556.022	745.464.857	745.464.857
	<b>722.134.603</b>	<b>722.134.603</b>	<b>2.070.708.249</b>	<b>2.070.708.249</b>

**13 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Ủy ban nhân dân thành phố Bắc Ninh	2.663.925.242	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng phát triển thương mại Thanh Bình	213.754.400	-
- Các đối tượng khác	48.512.936	49.512.178
	<b>2.926.192.578</b>	<b>49.512.178</b>

**14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Xem chi tiết Phụ lục 02.



**15 . PHẢI TRẢ KHÁC NGẮN HẠN**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	14.479.696	14.005.992
- Bảo hiểm xã hội	-	178.576.424
- Bảo hiểm y tế	197.568	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	-	14.005.992
- Phải trả về cổ phần hoá	124.447	124.447
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư thiết bị Phúc Hưng	-	441.691.000
- Phải trả cho đội xây lắp số 1	399.125.833	-
- Phải trả cho đội xây lắp số 2	223.067.580	-
- Cổ tức còn phải trả	1.596.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	167.230.803	413.098.590
	<b>805.821.927</b>	<b>1.061.502.445</b>

**16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Xem chi tiết Phụ lục 03

**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	31/12/2020	Tỷ lệ	01/01/2020	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại Phú Điền	30.708.100.000	69,51	30.708.100.000	69,51
- UBND tỉnh Bắc Ninh	9.747.820.000	22,07	9.747.820.000	22,07
- Cổ phiếu quỹ	437.000.000	0,99	437.000.000	0,99
- Các cổ đông khác	3.283.000.000	7,43	3.283.000.000	7,43
	<b>44.175.920.000</b>	<b>100</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>100</b>

**c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	44.175.920.000	44.175.920.000
- <i>Vốn góp tăng trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp giảm trong năm</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối năm</i>	44.175.920.000	44.175.920.000
<b>Cổ tức, lợi nhuận</b>		
- <i>Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm</i>	4.812.877.200	4.373.092.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.812.877.200	4.373.092.000
- <i>Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền</i>	4.811.281.200	4.373.092.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	4.811.281.200	4.373.092.000
- <b>Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm</b>	<b>1.596.000</b>	<b>-</b>

16 . VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

d. Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.417.592	4.417.592
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	4.417.592	4.417.592
- Cổ phiếu phổ thông	4.417.592	4.417.592
Số lượng cổ phiếu được mua lại	43.700	43.700
- Cổ phiếu phổ thông	43.700	43.700
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.373.892	4.373.892
- Cổ phiếu phổ thông	4.373.892	4.373.892
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

17 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản thuê ngoài

Công ty thuê đất tại phường Kinh Bắc, thành phố Bắc Ninh với diện tích thuê là 4.976,7 m<sup>2</sup>, mục đích thuê đất xây trung tâm điều hành và dịch vụ. Công ty trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước, thời gian thuê từ ngày 23/07/2017 đến ngày 19/09/2058.

18 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Quản lý vận hành nhà máy và xử lý nước thải	39.974.790.906	41.645.900.026
Sửa chữa cải tạo	21.108.930.946	10.559.131.823
	<b>61.083.721.852</b>	<b>52.205.031.849</b>

19 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Quản lý vận hành nhà máy và xử lý nước thải	26.855.792.230	28.867.439.628
Sửa chữa cải tạo	20.404.339.969	9.135.146.475
	<b>47.260.132.199</b>	<b>38.002.586.103</b>

20 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.047.243.165	3.143.405.733
	<b>3.047.243.165</b>	<b>3.143.405.733</b>

**21 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.516.471.962	2.321.156.960
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	294.252.499	285.763.992
Chi phí khấu hao tài sản cố định	716.500.544	700.909.370
Thuế, phí, và lệ phí	755.260.234	246.317.454
Chi phí dịch vụ mua ngoài	224.633.430	318.368.867
Chi phí khác bằng tiền	389.477.633	459.719.326
	<b>4.896.596.302</b>	<b>4.332.235.969</b>

**22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	11.975.145.799	12.999.325.112
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	11.975.145.799	12.999.325.112
Thuế suất thông thường	20%	20%
<b>Thuế TNDN theo mức thuế suất thông thường</b>	<b>2.395.029.160</b>	<b>2.599.865.022</b>
Thuế TNDN được giảm (Theo nghị định 114/2020/NĐ-CP)	718.508.748	-
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>1.676.520.412</b>	<b>2.599.865.022</b>
Thuế TNDN phải nộp hộ thay cho tổ đội thi công	2.889.916	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	2.149.865.022	2.078.704.694
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(2.149.865.022)	(2.528.704.694)
<b>Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>1.679.410.328</b>	<b>2.149.865.022</b>

**23 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	10.298.625.387	10.399.460.090
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	10.298.625.387	10.399.460.090
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.373.892	4.373.892
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>2.355</b>	<b>2.378</b>

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.



24 . CHI PHÍ SẢN XUẤT THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	17.656.416.217	16.078.672.548
Chi phí nhân công	22.416.603.370	19.136.656.317
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.695.016.733	1.590.482.239
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.884.895.754	5.052.786.583
Chi phí khác bằng tiền	2.011.217.281	1.340.340.353
	<b>50.664.149.355</b>	<b>43.198.938.040</b>

25 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

26 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh	Cổ đông
Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Thương mại Phú Điền	Cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban giám đốc	Lãnh đạo chủ chốt

Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
- Thu nhập của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	1.106.734.816	973.609.699

27 : SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán VACO kiểm toán.



Nguyễn Vũ Thu Hoan  
Kế toán trưởng



Nguyễn Xuân Quyết  
Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 05 tháng 03 năm 2021

Phụ lục 01 : TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>				
Số dư đầu năm	6.247.277.944	89.879.027	7.379.575.197	13.716.732.168
- Mua trong năm	-	34.545.454	4.094.777.273	4.129.322.727
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.247.277.944</b>	<b>124.424.481</b>	<b>11.474.352.470</b>	<b>17.846.054.895</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>				
Số dư đầu năm	2.127.277.971	76.725.884	3.293.194.442	5.497.198.297
- Khấu hao trong năm	546.152.950	9.821.704	1.091.142.699	1.647.117.353
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>2.673.430.921</b>	<b>86.547.588</b>	<b>4.384.337.141</b>	<b>7.144.315.650</b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại ngày đầu năm	4.119.999.973	13.153.143	4.086.380.755	8.219.533.871
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>3.573.847.023</b>	<b>37.876.893</b>	<b>7.090.015.329</b>	<b>10.701.739.245</b>

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.518.085.534 VND

**Phụ lục 02 : THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Số phải thu VND	Số phải nộp VND	Số phải nộp VND	Số đã thực nộp VND	Số phải thu VND	Số phải nộp VND
- Thuế Giá trị gia tăng	-	2.134.732.414	3.183.712.970	4.009.810.539	-	1.308.634.845
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.149.865.022	1.679.410.328	2.149.865.022	-	1.679.410.328
- Thuế Thu nhập cá nhân	-	138.390.154	479.049.404	389.314.416	-	228.125.142
- Thuế Nhà đất và tiền thuê đất	-	-	676.588.240	676.588.240	-	-
- Các loại thuế khác	-	-	25.050.000	25.050.000	-	-
	-	<b>4.422.987.590</b>	<b>6.043.810.942</b>	<b>7.250.628.217</b>	-	<b>3.216.170.315</b>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



Phụ lục 03 : BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cộng VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>(437.000.000)</b>	<b>1.190.392.000</b>	<b>8.535.493.019</b>	<b>53.464.805.019</b>
Lãi trong năm trước	-	-	-	10.399.460.090	10.399.460.090
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.898.648.000	(8.005.272.000)	(5.106.624.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>(437.000.000)</b>	<b>4.089.040.000</b>	<b>10.929.681.109</b>	<b>58.757.641.109</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>(437.000.000)</b>	<b>4.089.040.000</b>	<b>10.929.681.109</b>	<b>58.757.641.109</b>
Lãi trong năm nay	-	-	-	10.298.625.387	10.298.625.387
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	3.911.725.000	(9.614.046.200)	(5.702.321.200)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>44.175.920.000</b>	<b>(437.000.000)</b>	<b>8.000.765.000</b>	<b>11.614.260.296</b>	<b>63.353.945.296</b>

(\*) Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trị số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 06 năm 2020, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2019 như sau :

	Số tiền VND
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	3.911.725.000
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	558.800.000
Chi trả cổ tức	4.811.281.200
Chi thù lao HĐQT và BKS	331.440.000
Cổ tức phải trả năm 2018 theo nghị quyết 01/2019/NQ-ĐHĐCĐ	800.000
	<b>9.614.046.200</b>